

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025; về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên số 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Anh T, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Đường K, tổ C, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh T1, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Số A, đường H, thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Anh T, anh Lê Anh T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại UBND thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Sau khi kết hôn chị T, anh T1 chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh T1 thiếu quan tâm, chia sẻ với vợ con. Mặc dù, chị T đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Do cuộc sống không hạnh phúc nên chị T, anh T1 đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay; cũng kể từ đó chị T, anh T1 không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh T1, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị T, anh T1 có một người con chung là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/6/2023. Từ khi ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Anh T1:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc, tham gia phiên tòa. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2025 thể hiện:

Anh Lê Anh T1, chị Lê Anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh T1, chị T có một người con chung là cháu Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/6/2023. Quá trình chung sống anh T1 có sử dụng rượu, bia nhiều lúc không kiểm soát được dẫn đến hai vợ chồng cãi vã nhau. Chị T chung sống với anh T1 được một năm thì bỏ về nhà cha mẹ ruột đến nay. Hiện tại anh T1 đang làm nghề tài xế thu nhập một tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị T được ly hôn với anh T1, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết quyền nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con đối với anh Lê Anh T1 hiện thường trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng và quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” được quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung; mục 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải Đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Lê Anh T1 không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Chị Lê Anh T, anh Lê Anh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 13/02/2023, số vào sổ 22/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T, anh T1 chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh T1 thay đổi nhưng vẫn không có kết quả. Nên cả hai đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, từ đó chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì tới anh T1; hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên đề nghị giải quyết ly hôn. Bản thân anh T1, sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến, điều đó chứng tỏ anh T1 cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị T. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được quyền nuôi con Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/6/2023, trong khi anh T1 không có ý kiến gì. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Đ là nữ, hiện dưới 36 tháng tuổi, từ trước đến nay đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trong khi anh T1 làm nghề tài xế nên thường xuyên phải di chuyển, ít có thời gian để gần gũi, chăm sóc con được tốt. Để bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên về mọi mặt cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Chị T yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Nhận thấy, yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T là có căn cứ, bởi lẽ chị T là người trực tiếp nuôi con, nên anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, đồng thời mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng mà chị T đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của con, nên cần chấp nhận là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung.

[6] Các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[7] Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Anh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Anh T được ly hôn với anh Lê Anh T1.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 13/02/2023, số vào sổ 22/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Lê Anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/6/2023.

Anh Lê Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1.

3. *Về cấp dưỡng*: Anh Lê Anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/6/2023 cho chị Lê Anh T mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Chị T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về án phí*: Chị Lê Anh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0005435, ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh (nay là Phòng

Thi hành án dân sự Khu vực 17- Lâm Đồng). Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Anh T1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- UBND xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THA DS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường